

Số: 143 /BC-SKH-KTN

BCĐ CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG  
TỈNH QUẢNG TRỊ GIAI ĐOẠN 2016-2020  
VĂN PHÒNG ĐIỀU PHỐI

Số: 239  
Ngày: 06/4/2018  
Chuyên: CVP, PVP  
Lưu hồ sơ số: 2. Anh

# BÁO CÁO

## Kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

## **Giai đoạn 2016-2020 và đề xuất các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025**

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại các văn bản số 399/UBND-VX ngày 07/02/2020 về việc tổng kết, đánh giá thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2016-2020 và đề xuất cho giai đoạn 2021-2025, số 1241/UBND-VX ngày 25/3/2020 về việc giao báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình bố trí kinh phí thực hiện Chương trình MTQG giai đoạn 2016-2020 và yêu cầu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (văn bản số 412/BKHĐT-TCTT ngày 20/01/2020), Bộ Tài chính (văn bản số 3259/BTC-HCSN ngày 20/3/2020); Sở Kế hoạch và Đầu tư kính báo cáo UBND tỉnh về kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 và đề xuất giai đoạn 2021-2025 như sau:

## Phần thứ nhất

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NÔNG THÔN  
MỚI GIAI ĐOẠN 2016-2020**

## I. CÔNG TÁC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH, THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTOG

**1. Hoạt động của Ban chỉ đạo Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới các cấp:** Thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn 2016-2020, tỉnh Quảng Trị đã xây dựng đồng bộ hệ thống bộ máy chỉ đạo và bộ phận giúp việc từ tỉnh, huyện đến xã, thôn.

a) Bộ máy Ban chỉ đạo các cấp;

- Cấp tỉnh: Đã thành lập Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016-2020 (trên cơ sở gộp 2 Ban chỉ đạo về xây dựng NTM và giảm nghèo bền vững)

- Cấp huyện: 8/8 huyện, thị xã đã thành lập BCD NTM huyện do đồng chí Bí thư huyện ủy/Chủ tịch UBND huyện làm Trưởng ban<sup>1</sup>.

- Cấp xã: 100% xã đã thành lập BCĐ NTM xã - do đồng chí Bí thư Đảng ủy xã làm Trưởng ban; Ban Quản lý NTM xã do đồng chí Chủ tịch UBND xã làm Trưởng ban; 01 cán bộ theo dõi nông thôn mới cấp xã và Ban phát triển các thôn.

<sup>1</sup> 2 huyện có Bí thư huyện ủy làm Trưởng BCD là Gio Linh và Hải Lăng

- Cấp thôn: Thành lập Ban phát triển thôn.

b) Bộ máy giúp việc Ban chỉ đạo các cấp

- Văn phòng Điều phối cấp tỉnh: Tổng cán bộ của Văn phòng điều phối là 13 người, trong đó cán bộ chuyên trách 5 người (cán bộ thuộc Chi cục Phát triển nông thôn), cán bộ kiêm nhiệm là 8 người đến từ các sở Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Văn phòng UBND tỉnh và Chi cục Phát triển nông thôn.

- Văn phòng Điều phối cấp huyện: Cấp huyện đã có 7/8 huyện thành lập Văn phòng Điều phối nông thôn mới, riêng thị xã Quảng Trị thành lập Tổ giúp việc, các huyện đã bố trí từ 1-2 cán bộ làm nhiệm vụ chuyên trách về nông thôn mới.

- Công chức cấp xã chuyên trách về xây dựng nông thôn mới: Các xã đã bố trí 01 cán bộ (Địa chính- Xây dựng- Nông nghiệp) làm nhiệm vụ tổng hợp, theo dõi, tham mưu giúp Ban quản lý thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Tuy nhiên hầu hết cán bộ phụ trách nông thôn mới là cán bộ kiêm nhiệm, chưa có cán bộ chuyên trách.

Mô hình tổ chức Ban chỉ đạo và bộ phận giúp việc các cấp cơ bản phát huy được tính hiệu quả trong việc kịp thời triển khai, thực hiện các cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới đến cấp cơ sở và tận người dân; đồng thời việc phối hợp giữa các cấp, các ngành và các đơn vị liên quan cũng phát huy hiệu quả. Đặc biệt bộ phận giúp việc cho Ban chỉ đạo các cấp làm đầu mối tổng hợp, kịp thời tham mưu cho Ban chỉ đạo để triển khai thực hiện hiệu quả chương trình.

## **2. Khung khổ pháp luật quản lý, điều hành và văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:**

Thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn 2016-2020, tỉnh Quảng Trị đã chủ động ban hành đồng bộ các chủ trương, cơ chế, chính sách và kịp thời điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế giúp cho công tác triển khai thực hiện Chương trình được thuận lợi, đạt hiệu quả và thống nhất trong toàn tỉnh.

- Tỉnh ủy: Đã ban hành 01 Nghị quyết, 01 thông báo),<sup>2</sup>

- Hội đồng nhân dân tỉnh: (ban hành 02 Nghị quyết chuyên đề về xây dựng nông thôn mới và nhiều Nghị quyết liên quan khác)<sup>3</sup>

---

<sup>2</sup> Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 20/4/2017 về đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2017 – 2020. Thông báo 605-TB/TU ngày 22/5/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thành lập các Tổ công tác thực hiện “Ngày thứ 7 vì nông thôn mới”;

<sup>3</sup> (Nghị quyết 30/2017/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2017 Về xây dựng nông thôn mới đến năm 2020. Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND ngày 20/7/2019 về khuyến khích phát triển nông nghiệp

- UBND, BCD nông thôn mới tỉnh: Đã ban hành 06 quyết định quy phạm pháp luật, 01 Chỉ thị và hơn 200 các loại văn bản chỉ đạo, điều hành triển khai thực hiện chương trình trong giai đoạn 2010-2020 như: Kế hoạch triển khai chương trình giai đoạn, hàng năm; chương trình công tác trọng tâm, kế hoạch kiểm tra, giám sát hàng năm, kế hoạch xã đạt chuẩn, huyện đạt chuẩn...; ban hành và hướng dẫn các bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới kiểu mẫu, thôn bản khó khăn xây dựng nông thôn mới, thôn bản nông thôn mới kiểu mẫu. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên BCD, sở, ban ngành và các đơn vị liên quan.

- Đối với các huyện, xã:

+ Huyện ủy, thị ủy và đảng ủy các xã đều có Nghị quyết chuyên đề, chương trình hành động về xây dựng nông thôn mới và nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới vào Nghị quyết về phát triển kinh tế-xã hội hàng năm của địa phương, với mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương.

+ Các địa phương đã ban hành cơ chế riêng để đẩy nhanh tiến độ và thực hiện có hiệu quả Chương trình như: Huyện Cam Lộ ban hành Bộ tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu (thường 50 triệu đồng đối với khu dân cư đạt chuẩn); huyện Hải Lăng ban hành danh mục sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực; chính sách khuyến khích hỗ trợ một số cây trồng vật nuôi chủ lực và một số mô hình phát triển sản xuất trên địa bàn huyện; huyện Triệu Phong có chính sách về hỗ trợ phát triển trang trại, gia trại trên địa bàn huyện, huyện Vĩnh Linh có chính sách hỗ trợ 2 tỷ đồng cho xã đạt chuẩn nông thôn mới hàng năm.

Việc ban hành các cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình ở cấp địa phương cho phép việc thực hiện Chương trình phù hợp với tình hình thực tế của mỗi vùng miền khác nhau. Tuy nhiên, hiện nay các cơ chế chính sách thực hiện cho Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới cả ở cấp Trung ương và địa phương là tương đối lớn làm cho các địa phương không cập nhật hết đặc biệt là các địa phương vùng núi và vùng dân tộc thiểu số.

### **3. Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức và nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới ở các cấp.**

#### **a) Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức**

Công tác tuyên truyền, vận động được xác định là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, luôn được các cấp ủy đảng, chính quyền, tổ chức chính trị xã hội các cấp coi trọng thực hiện. Nhiều hình thức tuyên truyền được thực hiện sinh động, phong phú với nội dung thiết thực như tổ chức hội nghị, tọa đàm, hội thi, lắp đặt pano, băng rôn, lễ phát động,...

---

ứng dụng công nghệ cao và nông nghiệp hữu cơ; khuyến khích liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030,

Các cơ quan truyền thông báo chí trung ương và địa phương đã tích cực thông tin, tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới; các mô hình hay, cách làm tốt, gương điển hình trong xây dựng nông thôn mới, với nhiều hình thức như tin, bài, chuyên mục, phóng sự... Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở cũng đã tích cực tuyên truyền, vận động hội viên và người dân tham gia các phong trào thi đua với các hoạt động thiết thực. Trong 5 năm, đã có hàng ngàn tin, bài, ảnh, phóng sự đăng tải, phát sóng, trên 6.000 cuốn sổ tay, tờ rơi, tờ gấp, 2.000 cuốn sách kỹ yếu được phát cho các địa phương để tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới. Trang thông tin điện tử nông thôn mới của tỉnh với hàng trăm lượt người truy cập hằng ngày. Đã tổ chức các cuộc thi, sân chơi như Cuộc thi vui cùng nhà nông, Hội thi Báo chí viết về nông thôn mới nhằm cổ vũ, động viên tinh thần tham gia xây dựng nông thôn mới của cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Công tác tuyên truyền trong thời gian qua đã góp phần tạo chuyển biến về nhận thức và hành động của cán bộ và nhân dân về xây dựng NTM; thay đổi nếp nghĩ, cách làm, khắc phục tư tưởng trông chờ ỷ lại vào sự hỗ trợ đầu tư của nhà nước, khơi dậy sự tích cực chủ động, sáng tạo của cộng đồng dân cư, tạo động lực to lớn thúc đẩy phong trào ngày càng lan tỏa. Sự đồng lòng, chung sức của quần chúng nhân dân trong thời gian qua thể hiện thông qua việc tình nguyện đóng góp công sức, tiền của, trí tuệ thực hiện các nội dung xây dựng nông thôn mới; chủ động thực hiện các phần việc thuộc trách nhiệm của hộ gia đình như chỉnh trang nhà ở, xây dựng hố xí hợp vệ sinh, cải tạo vườn, giữ gìn vệ sinh môi trường, tham gia bảo hiểm y tế,...

#### b) Công tác nâng cao năng lực

Công tác tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới các cấp được chú trọng, nhất là cán bộ cấp xã, thôn, bản. Nội dung các chuyên đề tập huấn liên quan đến các kiến thức cơ bản về cơ chế, chính sách, các nội dung, giải pháp thực hiện Chương trình. Ngoài ra, các lớp tập huấn cũng có lồng ghép các kỹ năng tuyên truyền, vận động quần chúng, về xây dựng, lập kế hoạch, kỹ năng lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân nhằm giúp cán bộ địa phương nắm rõ và tham mưu thực hiện Chương trình có hiệu quả hơn. Đến nay, tổng cộng có 165 lớp tập huấn với trên 8000 người tham gia. Ngoài ra, BCĐ nông thôn mới tỉnh, các huyện cũng đã bố trí cho đội ngũ cán bộ đi tham quan học tập kinh nghiệm xây dựng nông thôn mới trong, ngoài tỉnh và quốc tế để có thể học tập những cách làm hay sáng tạo, vận dụng phù hợp tại địa phương.

#### 4. Theo dõi, giám sát, kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình

Hằng năm, Ban Chỉ đạo tỉnh đã chủ động xây dựng kế hoạch, chương trình kiểm tra, giám sát tại các địa phương; phân công các thành viên Ban chỉ đạo tỉnh kiểm tra, theo dõi, đôn đốc các địa phương thực hiện các tiêu chí do ngành phụ

trách nhằm kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, bổ sung giải pháp chỉ đạo nhằm thực hiện có hiệu quả Chương trình.

Trong các năm qua, các đồng chí Lãnh đạo Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã quan tâm tổ chức nhiều cuộc kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện xây dựng nông thôn mới tại các địa phương.

Thực hiện chủ trương “Ngày thứ 7 vì nông thôn mới” của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thành lập 8 tổ công tác do các đồng chí là UVBTV tỉnh ủy làm Trưởng đoàn tổ chức kiểm tra, nắm tình hình thực hiện của các địa phương.

Hội đồng nhân dân, UBND và các ngành chức năng ở huyện cũng tổ chức kiểm tra, giám sát, thanh tra việc tổ chức triển khai thực hiện chương trình tại các địa phương. Các tổ chức đoàn thể, cộng đồng nhân dân trong thực hiện chương trình cũng thực hiện chức năng giám sát thực hiện trên địa bàn.

Qua kiểm tra, giám sát đã phát hiện được những tồn tại, hạn chế, vướng mắc trong triển khai thực hiện; kịp thời có giải pháp khắc phục, điều chỉnh phù hợp nhằm thực hiện có hiệu quả Chương trình.

## **5. Công tác huy động nguồn lực, quản lý và sử dụng nguồn lực thực hiện các chương trình MTQG**

### **a. Về huy động nguồn lực**

Tổng nguồn lực huy động giai đoạn 2016-2020 là 47.374.707 triệu đồng, cụ thể như sau:

- Vốn ngân sách:
  - + Ngân sách Trung ương hỗ trợ trực tiếp: 937.000 triệu đồng
  - + Ngân sách địa phương: 690.993 triệu đồng.
- Vốn lồng ghép các chương trình, dự án: 1.646.470 triệu đồng
- Vốn tín dụng: 42.958.279 triệu đồng
- Vốn doanh nghiệp, HTX, các thành phần kinh tế khác 470.890 triệu đồng
- Đóng góp của nhân dân (bằng tiền mặt, công lao động và hiện vật quy ra tiền): 671.075 triệu đồng.

Ngoài nguồn vốn ngân sách bố trí trực tiếp để thực hiện Chương trình, UBND tỉnh đã chủ động lồng ghép các nguồn vốn từ các chương trình, dự án khác, đồng thời huy động các nguồn vốn tín dụng, vốn của các doanh nghiệp và đặc biệt là sự đóng góp của người dân để hoàn thành các mục tiêu của chương trình. Tuy nhiên hiện nay, do chưa có quy định cụ thể về lồng ghép nguồn vốn của các cấp, chưa có quy chế phối hợp cụ thể giữa các đơn vị phụ trách các chương trình, dự án có liên quan đến Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; mặt khác do một chương trình, dự án có mục tiêu riêng nên việc huy động, lồng ghép các nguồn vốn

khác để thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới chưa thực sự hiệu quả.

#### **b. Kết quả xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện Chương trình**

Quá trình triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2011-2015, có một số địa phương do áp lực đạt chuẩn nông thôn mới nên đã phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản. Đến cuối năm 2015, theo thống kê của các địa phương số nợ đọng XDCB là 24.274 triệu đồng. Tuy nhiên, thực hiện chỉ đạo của Trung ương, tỉnh đã chỉ đạo các địa phương nghiêm túc xử lý tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong giai đoạn 2016-2020. Các địa phương còn nợ đọng phải tập trung bố trí trả nợ không bố trí cho các công trình khởi công mới và tích cực huy động các nguồn lực khác để xử lý nợ đọng. Do vậy, tính đến thời cuối năm 2018, tổng nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn toàn tỉnh là 4.164 triệu đồng. UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện ưu tiên bố trí vốn kế hoạch năm 2019 để thanh toán dứt điểm cho các công trình, dự án có nợ đọng. Tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra, kiểm soát, cơ bản đến thời điểm này các địa phương đã xử lý dứt điểm nợ đọng xây dựng cơ bản.

### **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH**

#### **1. Kết quả thực hiện các mục tiêu chung**

- Đến tháng 2/2020, toàn tỉnh đã có 60/117 xã (chiếm tỷ lệ 51,3%) được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (tăng 34 xã so với đầu năm 2016).

- Bình quân tiêu chí/xã đạt 15,53 tiêu chí (tăng 3,83 tiêu chí so với đầu năm 2016), cụ thể số xã đạt từ 15-18 tiêu chí là: 20 xã (chiếm 20,5% số xã), Số xã đạt từ 10-14 tiêu chí: 17 xã (chiếm 14,5% số xã), Số xã đạt từ 5-9 tiêu chí: 20 xã, đạt 20,5%.

**2. Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới:** Đến tháng 2/2020, toàn tỉnh đã có 60/117 xã (chiếm tỷ lệ 51,3%) được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (tăng 34 xã so với đầu năm 2016), cụ thể:

- Nhóm Quy hoạch: Có 117/117 xã hoàn thành tiêu chí Quy hoạch, đạt 100% (bằng kết quả đầu năm 2016)

- Nhóm Hạ tầng kinh tế-xã hội:

+ Giao thông: Có 77/117 xã hoàn thành tiêu chí giao thông nông thôn, đạt 65,8% số xã (tăng 37 xã so với đầu năm 2016)

+ Thủy lợi: Có 110/117 xã hoàn thành tiêu chí Thủy lợi, đạt 94,02% (tăng 39 xã so với đầu năm 2016)

+ Điện: Có 117/117 xã hoàn thành tiêu chí Điện, đạt 100% (tăng 3 xã so với đầu năm 2016)

+ Trường học: Có 76/117 xã hoàn thành tiêu chí Trường học, đạt 64,9% (tăng 28 xã so với đầu năm 2016)

+ Cơ sở vật chất văn hóa: Có 77/117 xã hoàn thành tiêu chí Cơ sở vật chất văn hóa, đạt 65,8% (tăng 31 xã so với đầu năm 2016)

+ Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn: Có 100/117 xã hoàn thành tiêu chí Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, đạt 85,5% (tăng 12 xã so với đầu năm 2016)

+ Thông tin và truyền thông: Có 92/117 xã hoàn thành tiêu chí Thông tin và Truyền thông, đạt 78,6% (giảm 12 xã so với đầu năm 2016, do thay đổi về quy định tiêu chí đánh giá)

+ Nhà ở dân cư: Có 86/117 xã hoàn thành tiêu chí về Nhà ở dân cư, đạt 73,5% (tăng 37 xã so với đầu năm 2016) (tăng 20 xã so với đầu năm 2016)

- Nhóm Kinh tế và tổ chức sản xuất:

+ Thu nhập: Có 84/117 xã đạt tiêu chí Thu nhập, đạt 71,8% (tăng 9 xã so với đầu năm 2016)

+ Tỷ lệ hộ nghèo: Có 81/117 xã đạt tiêu chí về Tỷ lệ hộ nghèo, đạt 69,2% (tăng 43 xã so với đầu năm 2016)

+ Tỷ lệ lao động có việc làm: Có 112/117 xã đạt tiêu chí Lao động có việc làm, đạt 95,73% (tăng 10 xã so với đầu năm 2016)

+ Tổ chức sản xuất: Có 80/117 xã đạt tiêu chí Tổ chức sản xuất, đạt 68,4% (tăng 10 xã so với đầu năm 2016)

- Nhóm tiêu chí Văn hóa - Xã hội - Môi trường:

+ Giáo dục có 94/117 xã đạt tiêu chí về Giáo dục, đạt 80,3% (tăng 22 xã so với đầu năm 2016)

+ Y tế: Có 113/117 xã đạt tiêu chí Y tế, đạt 96,6% (tăng 10 xã so với đầu năm 2016)

+ Văn hóa: Có 115/117 xã đạt tiêu chí Văn hóa, đạt 98,3% (tăng 53% so với năm 2010 và tăng 6,8% so với đầu năm 2016);

+ Môi trường và an toàn thực phẩm: Có 80/117 xã đạt tiêu chí Môi trường và An toàn thực phẩm, đạt 68,4% (tăng 28 xã so với đầu năm 2016)

- Nhóm tiêu chí về Hệ thống chính trị:

+ Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật: Có 98/117 xã đạt tiêu chí Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật, đạt 83,8% (tăng 12 xã so với đầu năm 2016)

+ Quốc phòng và an ninh: Có 108/117 xã đạt tiêu chí Quốc phòng và An ninh, đạt 92,3% (tăng 18 xã so với đầu năm 2016)

**3. Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới:** UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo xây dựng huyện Cam Lộ phần đầu đạt chuẩn trong năm 2019, đến nay hiện trạng như sau:

- Về tiêu chí 100% xã nông thôn mới của huyện: có 8/8 xã đã đạt chuẩn nông thôn mới.

- Về tiêu chí cấp huyện: Huyện đã hoàn thiện 9/9 tiêu chí của bộ tiêu chí huyện nông thôn mới.

Hiện nay, huyện Cam Lộ đã hoàn thiện đầy đủ hồ sơ thủ tục trình Văn phòng điều phối nông thôn mới Trung ương thẩm định huyện đạt chuẩn trong năm 2019. Dự kiến trình thẩm định trong tháng 3/2020.

#### **4. Hiện trạng xã nông thôn mới kiểu mẫu**

Thực hiện chủ trương xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu của Trung ương, tỉnh Quảng Trị đã chọn 8 xã để chỉ đạo điểm gồm: Vĩnh Thủy, Vĩnh Kim, Cam Chính, Cam Hiếu, Hải Thượng, Tân Hợp, Gio Sơn, Triệu Đại. Đến nay, kết quả xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu của các địa phương như sau:

+ Có 03 xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm 2019 gồm: Vĩnh Thủy, Vĩnh Kim (huyện Vĩnh Linh) và xã Cam Chính (huyện Cam Lộ).

+ Các xã còn lại đạt từ 6-11 tiêu chí gồm: Hải Thượng, Tân Hợp, Gio Sơn, Cam Hiếu, Triệu Đại. Các địa phương đều có kế hoạch đạt chuẩn vào năm 2020

#### **5. Hiện trạng xây dựng nông thôn mới tại thôn, bản khó khăn**

Thực hiện Quyết định số 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ, Quảng Trị có 93 thôn, bản thuộc 10 xã biên giới của 02 huyện Hướng Hóa và Đakrông được chọn để tập trung xây dựng thôn, bản nông thôn mới.

Đến nay, số tiêu chí đạt bình quân của các thôn ở 2 huyện Hướng Hóa và Đakrông là 6,57 tiêu chí/thôn, bản; trong đó, bình quân ở huyện Hướng Hóa là 6,26 tiêu chí; bình quân ở huyện Đakrông là 6,9 tiêu chí/thôn, bản.

### **III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CHUNG ĐẠT ĐƯỢC VÀ NHỮNG TÔNG TẠI, HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN**

#### **1. Đánh giá chung về những kết quả đạt được**

Triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, với sự nỗ lực cố gắng không ngừng của cấp ủy, chính quyền các cấp; sự vào cuộc mạnh mẽ của mặt trận, đoàn thể các cấp và sự hưởng ứng tích cực của đông đảo quần chúng nhân dân, vùng nông thôn của tỉnh đã có những chuyển biến tích cực. Cơ sở hạ tầng nông thôn được hoàn thiện, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của người dân. Kinh tế nông thôn ngày càng phát triển, có nhiều mô hình chuyên canh, sản xuất theo hướng hàng hóa có liên kết tạo lợi nhuận càng lớn cho người nông dân; đời sống vật chất của người dân ngày càng được nâng



cao; đời sống văn hóa, tinh thần ngày càng đa dạng, trong đó các giá trị văn hóa truyền thống không ngừng được giữ gìn, bảo tồn và phát huy; môi trường nông thôn được bảo vệ và cải thiện; hệ thống chính trị cơ sở ngày càng vững mạnh; an ninh trật tự khu vực nông thôn cơ bản được đảm bảo.

Đã bước đầu định hình được xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu, từng bước hướng đến miền quê đáng sống. Tập trung xây dựng nông thôn mới ở các xã miền núi đặc biệt khó khăn, biên giới bãi ngang ven biển, tiến đến giảm dần khoảng cách giữa các vùng miền.

Phong trào xây dựng nông thôn mới đã thực sự trở thành một phong trào ý nghĩa, có tính nhân văn và có sức lan tỏa sâu rộng và được người dân đồng tình hưởng ứng. Nhận thức của người dân về xây dựng nông thôn mới ngày càng được nâng cao, nhất là trong phát triển sản xuất gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm, ứng dụng khoa học công nghệ, trong bảo vệ môi trường, cải tạo cảnh quan nông thôn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, giữ gìn an ninh trật tự, góp phần làm thay đổi cơ bản bộ mặt nông thôn.

Các cấp ủy Đảng, chính quyền và cả hệ thống chính trị đã tích cực chủ động, sáng tạo trong triển khai thực hiện. Nhiều chính sách được ban hành có tác dụng tích cực và trở thành động lực thúc đẩy tiến độ triển khai thực hiện Chương trình một cách có hiệu quả.

Kết quả thực hiện Chương trình sau 9 năm đã đạt mục tiêu kế hoạch đề ra, vượt mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2015-2020; đạt mục tiêu Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, góp phần quan trọng đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà.

## **2. Hạn chế, tồn tại và nguyên nhân**

### **a) Hạn chế, tồn tại**

- Một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân chưa nhận thức rõ và đầy đủ về mục tiêu, ý nghĩa và nội dung của Chương trình; còn trông chờ, ỷ lại vào sự đầu tư của Nhà nước; ý thức tự giác, chủ động tham gia xây dựng NTM chưa cao. Đặc biệt là bà con đồng bào dân tộc thiểu số; ở một số địa phương các chủ trương, cơ chế, chính sách trong xây dựng NTM chưa được thông tin, cập nhật đầy đủ cho người dân.

- Công tác rà soát, điều chỉnh, bổ sung đề án quy hoạch và đề án nông thôn mới cho phù hợp với tái cơ cấu ngành nông nghiệp và quy hoạch kinh tế xã hội của tỉnh, huyện xã chậm được chỉ đạo triển khai thực hiện, do đó còn nhiều vướng mắc trong xác định nội dung đầu tư và lộ trình đạt chuẩn nông thôn mới.

- Việc xây dựng kế hoạch hàng năm và giai đoạn về xây dựng nông thôn mới của các địa phương chưa chặt chẽ, chi tiết, đặc biệt là xác định nguồn lực để

thực hiện từng tiêu chí cho từng xã, vì vậy các địa phương và các ngành không có căn cứ để triển khai theo tiến độ và kế hoạch.

- Sản xuất nông nghiệp mặc dù đã chuyển biến tích cực nhưng các chuỗi giá trị sản xuất còn lỏng lẻo, thiếu bền vững nên đã ảnh hưởng nhất định đến thu nhập của người dân. Nhiều địa phương đã xác định được sản phẩm chủ lực để tập trung phát triển nhưng thiếu sự tham gia của doanh nghiệp, HTX dẫn đến khó khăn về tiêu thụ sản phẩm hoặc mất giá.

- Kết quả xây dựng nông thôn mới không đồng đều giữa các địa phương, các xã ở khu vực miền núi có số tiêu chí đạt chuẩn còn thấp, chất lượng đạt chuẩn một số tiêu chí còn thiếu bền vững; một số tiêu chí cơ sở hạ tầng thiết yếu đạt chuẩn còn ở mức thấp như: giao thông, thủy lợi, trường học, cơ sở vật chất văn hóa...; nhiều nơi trong xây dựng, chỉnh trang hạ tầng chưa gắn với việc bảo tồn, phát huy các giá trị truyền thống, cảnh quan nông thôn. Việc phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, hình thành văn hóa ứng xử trong cộng đồng nông thôn văn minh chưa được triển khai mạnh mẽ.

- Xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu mới chỉ tập trung ở các xã chỉ đạo điểm của tỉnh, các địa phương còn lại chưa quyết liệt để triển khai thực hiện, nguồn lực bố trí cho xây dựng kiểu mẫu còn hạn chế.

- Vấn đề ô nhiễm môi trường đã được kiểm soát, tuy nhiên một số địa phương tình trạng ô nhiễm môi trường nông thôn đang có dấu hiệu tăng; chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm, nông sản vẫn đang là vấn đề nổi lên được xã hội quan tâm. Ở một số cụm công nghiệp trên địa bàn chưa có các báo cáo đánh giá tác động môi trường; nước thải ở một số làng nghề, cơ sở sản xuất chưa được quan tâm xử lý.

- An ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội vẫn còn tiềm ẩn nhiều diễn biến phức tạp, nhiều xã vẫn còn nằm trong danh mục xã trọng điểm phức tạp về an ninh trật tự.

- Ở một số địa phương còn nặng về hình thức đạt được mục tiêu, chưa quan tâm nhiều đến chất lượng của các tiêu chí đạt chuẩn; một số tiêu chí thiếu bền vững (môi trường, an ninh trật tự...), một số xã đã đạt chuẩn nông thôn mới nhưng bị rút một số tiêu chí, tuy nhiên các địa phương chưa quyết liệt, chưa có giải pháp cụ thể để duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí.

- Một số địa phương còn coi trọng đầu tư cơ sở hạ tầng nông thôn, chưa quan tâm nhiều đến các giải pháp nâng cao đời sống của người dân, giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa, tình làng nghĩa xóm, nếp sống văn minh, bảo vệ môi trường nông thôn.

- Công tác áp dụng cơ chế đầu tư đặc thù chưa được thực hiện nghiêm túc. Một số địa phương chưa quan tâm đúng mức đến việc trao quyền cho người dân

tham gia một số nội dung như tham gia thực hiện thi công các công trình cơ sở hạ tầng nông thôn, tham gia sát sát đầu tư cộng đồng....

- Nguồn vốn đầu tư chưa đáp ứng được nhu cầu xây dựng NTM của các địa phương. Nguồn ngân sách trực tiếp cho Chương trình chưa đạt kế hoạch đề ra. Nguồn huy động từ doanh nghiệp chưa nhiều. Công tác kêu gọi tài trợ, đỡ đầu chưa phát huy hiệu quả. Điều kiện của người dân còn nhiều khó khăn nên mức độ đóng góp còn hạn chế, công tác huy động, lồng ghép các nguồn lực chưa phát huy hiệu quả tối đa.

- Trình độ đội ngũ cán bộ ở một số địa phương, nhất là ở các xã vùng cao, vùng đặc biệt khó khăn còn hạn chế so với yêu cầu xây dựng nông thôn mới. Cán bộ chuyên trách nông thôn mới còn ít; ở các huyện, xã, cán bộ thường xuyên biến động đã ảnh hưởng đến hiệu quả, chất lượng tham mưu chỉ đạo thực hiện Chương trình.

- Việc sát nhập đơn vị hành chính một số xã sẽ tác động đến số lượng xã đạt chuẩn của địa phương và của tỉnh, cần thiết phải rà soát và có kế hoạch chi tiết nhằm duy trì và nâng cao chất lượng nông thôn mới ở các địa phương này và đảm bảo mục tiêu kế hoạch đề ra.

- Hạn chế trong lồng ghép và huy động nguồn lực: do chưa có quy định cụ thể về lồng ghép nguồn vốn của các cấp, chưa có quy chế phối hợp cụ thể giữa các đơn vị phụ trách các chương trình, dự án có liên quan đến Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; mặt khác do một chương trình, dự án có mục tiêu riêng nên việc huy động, lồng ghép các nguồn vốn khác để thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới chưa thực sự hiệu quả. Công tác kiểm tra, kiểm soát nội dung lồng ghép chưa được thực hiện chặt chẽ.

### **3. Nguyên nhân của những hạn chế trên:**

#### **a) Về khách quan**

Quảng Trị là một tỉnh còn nhiều khó khăn, xuất phát điểm xây dựng nông thôn mới thấp; điều kiện tự nhiên lại không thuận lợi; thiên tai, dịch bệnh thường xuyên xảy ra đã ảnh hưởng ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất và đời sống của người dân nông thôn, làm cho việc xây dựng nông thôn mới bị ảnh hưởng, các tiêu chí đạt chuẩn thiếu bền vững

Chương trình được triển khai với nhiều nội dung và cách thức triển khai thực hiện khá mới. Trong giai đoạn 2011-2015, nhiều chương trình MTQG được triển khai trên địa bàn, các chương trình được chỉ đạo triển khai riêng lẻ, việc lồng ghép các nguồn lực chưa thực sự hiệu quả, đầu tư phân tán, thiếu đồng bộ.

#### **b) Về chủ quan**

- Một số cấp ủy đảng, chính quyền chưa thực sự tập trung trong lãnh đạo, chỉ đạo, huy động cả hệ thống chính trị và toàn xã hội vào cuộc chung sức xây dựng NTM; chưa thể hiện quyết tâm chính trị cao, chưa mạnh dạn, chủ động có các cơ chế, chính sách riêng; vẫn còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại cấp trên nhất là trong bố trí nguồn lực cho chương trình.

- Bộ máy giúp việc BCĐ NTM các cấp hoạt động chưa hiệu quả, thiếu cán bộ chuyên trách, năng lực của cán bộ cơ sở còn hạn chế, do đó công tác tham mưu chỉ đạo thực hiện Chương trình hiệu quả chưa cao. Việc kiện toàn bộ máy giúp việc tiến độ còn chậm.

- Một số thành viên BCĐ các cấp chưa phát huy cao trách nhiệm trong việc tham mưu, chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương thực hiện các tiêu chí do ngành phụ trách và huy động, lồng ghép các nguồn lực để đẩy nhanh tiến độ thực hiện. Công tác chỉ đạo theo dõi địa bàn được phân công phụ trách thực hiện chưa hiệu quả, thiếu thường xuyên, sâu sát.

- Việc đánh giá thực trạng, mức độ đạt chuẩn các tiêu chí ở một số xã, chưa thực chất, ảnh hưởng lớn đến việc xác định nội dung đầu tư, lộ trình thực hiện đạt chuẩn nông thôn mới.

#### **4. Bài học kinh nghiệm**

Trên cơ sở kết quả đạt được trong thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2019, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm như sau:

- Công tác tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân có ý nghĩa hết sức quan trọng, cần phải được thực hiện thường xuyên nhằm tạo sự đồng thuận cao trong nhân dân và huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị tham gia.

- Vai trò của cán bộ chủ chốt là hết sức quan trọng, thực tiễn ở nơi nào người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, đoàn thể thực sự tâm huyết, trách nhiệm, vào cuộc thường xuyên, quyết liệt thì nơi đó phong trào xây dựng nông thôn mới được triển khai mạnh mẽ. Trong công tác chỉ đạo điều hành xây dựng nông thôn mới phải phân công, phân nhiệm rõ ràng. Cần có sự vào cuộc có trách nhiệm của các ngành trong việc đưa ra các giải pháp để thực hiện từng tiêu chí.

- Việc phát huy vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng nông thôn mới là hết sức quan trọng có ý nghĩa quyết định đối với tính bền vững của kết quả xây dựng nông thôn mới. Thực hiện tốt phương châm ” Dân biết dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát và dân thụ hưởng”. Việc lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân đang tạo ra hiệu ứng lan tỏa, giúp chính quyền các cấp có cơ sở quyết định việc hoàn thành đạt chuẩn nông thôn mới; bên cạnh đó những vấn đề người dân chưa hài lòng cũng là một kênh thông tin quan trọng để cấp ủy, chính

quyền các cấp đưa ra giải pháp, tiến độ cam kết xử lý đảm bảo xây dựng nông thôn mới bền vững.

- Phát huy tốt cách làm chủ động, sáng tạo phù hợp với điều kiện và yêu cầu bức thiết của người dân ở từng địa phương; chọn đúng nội dung trọng tâm, giải pháp đột phá cho từng thời kỳ.

- Trong điều kiện nguồn ngân sách đầu tư trực tiếp cho xây dựng nông thôn mới rất hạn chế; việc huy động, lồng ghép có hiệu quả mọi nguồn lực cho xây dựng nông thôn mới là thực sự cần thiết; đặc biệt là huy động đóng góp của cộng đồng và con em quê hương làm ăn xa.... Nguồn lực đầu tư trên địa bàn cần phải được công khai minh bạch tạo niềm tin cho người tham gia đóng góp cho xây dựng nông thôn mới.

- Thực hiện tốt công tác thi đua - khen thưởng kịp thời động viên đối với các địa phương, tổ chức, cá nhân có cách làm hay, sáng tạo và đóng góp thiết thực cho xây dựng NTM nhất là các tổ chức, cá nhân là người dân, các doanh nghiệp có nhiều cách làm hay, nhiều đóng góp trong thực hiện Chương trình.

## **Phần thứ hai**

### **ĐỀ XUẤT CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ GIẢI PHÁP QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG**

#### **I. ĐỀ XUẤT CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025**

- **Lý do:** Trong các năm qua, Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới đã thực sự làm thay đổi bộ mặt nhiều làng quê; cơ sở hạ tầng nông thôn được đầu tư đồng bộ; chất lượng cuộc sống của người dân ngày càng được nâng lên. Chương trình MTQG đã đi vào cuộc sống trở thành phong trào lan tỏa sâu rộng. Đến nay, tỉnh Quảng Trị có 60/117 xã đạt chuẩn NTM (chiếm 51,3%), 01/8 huyện đạt chuẩn nông thôn mới (chiếm 12,5%), 03/117 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu (chiếm 2,56%), như vậy nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh còn nhiều nội dung phải thực hiện; đời sống người dân ở nhiều địa phương, đặc biệt là các xã miền núi còn nhiều khó khăn. Do đó trong giai đoạn tới cần tiếp tục thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới nhằm thay đổi bộ mặt và chất lượng cuộc sống nông thôn, đồng thời rút ngắn khoảng cách giữa nông thôn và thành thị.

- **Mục tiêu thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025**

- + Về cấp huyện: Phần đầu tối thiểu có thêm 2 huyện đạt chuẩn nông thôn

mới, nâng số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn, thị xã hoàn thành nông thôn mới lên 4 đơn vị (bao gồm cả thị xã Quảng Trị).

+ Về cấp xã: Phần đầu có từ 75% số xã đạt chuẩn nông thôn mới; Phần đầu có từ 25% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu; Phần đầu không còn xã đạt dưới 12 tiêu chí.

+ Về cấp thôn, bản: Phần đầu có từ 55-60% số thôn bản khó khăn thuộc xã khó khăn, biên giới thuộc Đề án 1385 đạt chuẩn nông thôn mới và có từ 65-70% số thôn, bản thuộc xã đặc biệt khó khăn miền núi và 80-85% số thôn thuộc xã bãi ngang ven biển đạt chuẩn nông thôn mới; Phần đầu có từ 15% số thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu (trong đó huyện Đakrông 3%, huyện Hướng Hóa 5%, các huyện, thị xã còn lại 25%; Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn tăng ít nhất 1,8 lần so với năm 2020.

**- Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm**

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền về nông thôn mới, triển khai sâu rộng và thiết thực phong trào thi đua “*Quảng Trị chung sức xây dựng nông thôn mới*” nhằm cổ vũ, động viên, biểu dương, tôn vinh các tập thể, cá nhân tiêu biểu trong xây dựng nông thôn mới, tạo sự lan toả lớn trong nhân dân, cộng đồng, xã hội; khuyến khích, thu hút doanh nghiệp, doanh nhân, nhất là thanh niên trí thức khởi nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp ở nông thôn. Đa dạng hóa các hình thức truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm phản ánh kịp thời thực tiễn xây dựng nông thôn mới của cả nước.

- Tiếp tục nghiên cứu, ban hành khung chính sách của địa phương, kịp thời cụ thể hóa chính sách của Trung ương giai đoạn 2021-2025. Có chính sách hỗ trợ thúc đẩy đối với một số địa phương, lĩnh vực đang còn khó khăn đang cản trở quá trình xây dựng nông thôn mới như xây dựng nông thôn mới ở các xã miền núi khó khăn, công tác bảo vệ môi trường.....Tập trung huy động, lồng ghép có hiệu quả các nguồn lực đầu tư để đảm bảo nâng cao hiệu quả đầu tư, tránh lãng phí, chồng chéo các nguồn lực.

- Tập trung chỉ đạo các địa phương đã đạt chuẩn thực hiện tốt công tác duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí. Thường xuyên rà soát, đánh giá các tiêu chí, nhất là những tiêu chí có khả năng biến động như cơ sở hạ tầng giao thông, thu nhập bình quân đầu người, môi trường, cơ sở vật chất giáo dục. Tổ chức kiểm tra rà soát lại các xã đã được công nhận nông thôn mới, nếu xã có nhiều tiêu chí không duy trì được chất lượng thì có biện pháp kiểm điểm trách nhiệm đối với người đứng đầu.

- Ưu tiên thúc đẩy hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, nhất là sản xuất nông nghiệp sạch - an toàn, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động và kinh nông thôn nhằm tăng thu nhập cho người dân nông thôn một cách

bền vững, trong đó: Tiếp tục đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất trong nông nghiệp và nâng cao hiệu quả hoạt động của các Hợp tác xã; đổi mới phương thức thực hiện và nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo hướng gắn đào tạo nghề với triển khai các mô hình, dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị cụ thể, theo nhu cầu hoặc dự án đầu tư ở nông thôn của doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế...Triển khai có hiệu quả Chương trình OCOP.

- Tăng cường bảo vệ môi trường nông thôn (thu gom xử lý nước thải, chất thải, bao gói thuốc bảo vệ thực vật,...), cải tạo cảnh quan môi trường, trong đó tập trung phát triển các mô hình thôn, bản xanh, sạch đẹp làm tiền đề cho phát triển du lịch cộng đồng.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong xây dựng nông thôn mới. Phát động và triển khai mạnh mẽ phong trào “Ngày thứ 7 vì nông thôn mới” do Ban Thường vụ tỉnh ủy phát động đến tận cơ sở; tiếp tục phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và giám sát của cộng đồng dân cư đối với xây dựng nông thôn mới.

- Tiếp tục kiện toàn Ban chỉ đạo và Bộ máy giúp việc BCD các cấp theo hướng chuyên trách, chuyên nghiệp, bố trí đủ cán bộ có năng lực, trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ chuyên trách. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các thành viên kiêm nhiệm đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ trong thực hiện nhiệm vụ chung.

#### **- Dự kiến nguồn lực thực hiện Chương trình NTM giai đoạn 2021-2025**

Dự kiến vốn huy động thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 là 36.135.360 tỷ đồng, trong đó:

- (1) Ngân sách nhà nước 2.265.360 tỷ đồng, trong đó:
  - Ngân sách TW bố trí trực tiếp 1.355,360 tỷ đồng;
  - Ngân sách địa phương 910 tỷ đồng;
- (2) Vốn lồng ghép 2.300 tỷ đồng
- (3) Vốn tín dụng 30.000 tỷ đồng;
- (4) Vốn từ các doanh nghiệp, hợp tác xã và các loại hình kinh tế khác 720 tỷ đồng;
- (5) Vốn huy động đóng góp của cộng đồng dân cư 850 tỷ đồng.

### **IV. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NTM GIAI ĐOẠN 2021-2025**

#### **1. Đề xuất giải pháp quản lý điều hành**

- Để triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025 đảm bảo mục tiêu đề ra, đề nghị TW sớm ban hành các chủ trương, cơ chế chính sách thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 trong nửa cuối năm 2020 để các địa phương kịp thời cụ thể hóa chính sách của TW và ban hành các chính sách đặc thù của địa phương.

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới là chương trình tổng thể kinh tế - xã hội, cần có sự phối hợp chặt chẽ của các ban, ngành trong tỉnh trong quá trình quản lý, chỉ đạo, điều hành Chương trình. Tuy nhiên, hiện nay ở một số tỉnh, Bộ máy giúp việc Ban chỉ đạo cấp tỉnh, huyện được thành lập, cán bộ chuyên trách ít, vì vậy công tác tham mưu, kết nối các Sở, ban ngành hiệu quả chưa cao. Hiện nay một số địa phương Văn phòng điều phối nông thôn mới trực thuộc UBND tỉnh và điều này rất thuận lợi trong công tác tham mưu, tổ chức thực hiện. Vì vậy cần nghiên cứu thống nhất trong giai đoạn 2021-2025.

- Đề án 1385 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ thôn, bản, ấp thuộc các xã đặc biệt khó khăn xây dựng nông thôn mới đề ra mục tiêu đến năm 2020 có 50% thôn trong phạm vi Đề án được công nhận hoàn thành tiêu chí nông thôn mới cấp thôn do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành. UBND tỉnh Quảng Trị đã đề ra mục tiêu đến năm 2020 có từ 40-50% số thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới. Tuy nhiên, xét điều kiện các bản thuộc các xã đã được chọn trong đề án hiện đang thiếu nhiều tiêu chí, các tiêu chí đều tập trung vào tiêu chí khó thực hiện như tiêu chí thu nhập, hộ nghèo, môi trường, hình thức tổ chức sản xuất..... Mặc dù đã ưu tiên tập trung công tác tuyên truyền, vận động người dân; công tác đào tạo tập huấn cho cán bộ và tập trung nhiều nguồn lực để hỗ trợ nhưng đến thời điểm vẫn chưa có thôn, bản nào đạt chuẩn nông thôn mới; tiêu chí đạt bình quân thấp hơn 7 tiêu chí. Vì vậy, để thực hiện đảm bảo mục tiêu của Đề án là rất khó khăn.

- Hiện nay, các địa phương đang triển khai thực hiện việc sát nhập các xã, việc này đã ảnh hưởng đến quy hoạch, đề án, rà soát tiêu chí, công nhận lại các địa phương xây dựng nông thôn mới. Do đó, đề thuận lợi và thống nhất trong quá trình thực hiện đề nghị Trung ương có hướng dẫn cụ thể và bố trí kinh phí để các địa phương triển khai thực hiện.

- Về tổ chức bộ máy tham mưu giúp việc BCD Chương trình: Hiện nay, bộ máy tham mưu giúp việc BCD nông thôn mới các cấp chưa có sự thống nhất. Số lượng biên chế chuyên trách cấp tỉnh, cấp huyện còn thiếu, đặc biệt là cấp huyện (mỗi huyện chỉ được 1 cán bộ theo dõi nông thôn mới) vì vậy công tác tham mưu chưa kịp thời, hiệu quả. Vì vậy, trong thời gian tới đề nghị cần có quy định thống nhất về Bộ máy giúp việc BCD nông thôn mới các cấp theo hướng nâng tầm của Văn phòng điều phối nông thôn mới để hoạt động chuyên nghiệp, hiệu quả.



## 2. Đề xuất về huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực

- Giai đoạn 2016 -2020 Trung ương quy định hệ số phân bổ chung cho cả nước là chưa lợp lý; mỗi vùng, mỗi địa phương (tỉnh) và trong từng tỉnh có những đặc thù riêng, điều kiện khác nhau. Vì vậy giai đoạn 2021-2025, đề nghị Trung ương căn cứ thực tiễn, kế hoạch của từng tỉnh và giao chỉ tiêu cho các địa phương (số huyện đạt NTM; số xã đạt NTM; số xã đạt kiểu mẫu; số thôn NTM và số tiêu chí ..) để các tỉnh phân đấu, đồng thời giao HĐND các tỉnh xây dựng nguyên tắc, tiêu chí phân bổ riêng để phù hợp với điều kiện, thực tiễn của địa phương.

- Hiện nay, việc thực hiện xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới cần rất nhiều nguồn lực. Tuy nhiên, trong các năm qua, nguồn ngân sách Trung ương không quy định chi hỗ trợ cho huyện đạt chuẩn. Do đó, tỉnh Quảng Trị phải bố trí ngân sách địa phương để hỗ trợ xây dựng huyện đạt chuẩn. Tuy nhiên, do ngân sách địa phương còn hạn chế, vì vậy nguồn ngân sách hỗ trợ cho huyện đạt chuẩn không nhiều, các tiêu chí chỉ đạt ở mức tối thiểu. Đề nghị trong giai đoạn tiếp theo đề nghị ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện nội dung hỗ trợ xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

- Một số nội dung hỗ trợ trong xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu chưa được quy định chi tiết trong các thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính nên rất khó trong quá trình thực hiện. Đề nghị Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết các nội dung trong xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu.

- Cần tăng thêm nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp từ chương trình xây dựng nông thôn mới đối với một tỉnh khó khăn như Quảng Trị.

- Cần có chính sách lồng ghép có hiệu quả các chương trình đầu tư trên địa bàn nhằm phát huy hiệu quả đầu tư.

Trên đây là báo cáo tổng kết, đánh giá thực hiện các chương trình MTQG giai đoạn 2016-2020 và đề xuất cho giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, kính gửi UBND để báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tổng hợp./.

Nơi nhận: *vl*

- UBND tỉnh;
- VPĐP NTM tỉnh;
- Ban Giám đốc Sở;
- Phòng KG-VX;
- Lưu: VT, KTN(L).

Q. GIÁM ĐỐC *B*



*Nguyễn Huy*  
Nguyễn Huy



## PHỤ LỤC 1

### KẾT QUẢ XÂY DỰNG VĂN BẢN QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH

### THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2016-2020

*(Kèm theo báo cáo số 143/BC-SKH-KTN ngày 03/4/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)*

#### 1. Văn bản cấp Trung ương ban hành được áp dụng tại địa phương

- Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;
- Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình MTQG;
- Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg ngày 10/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;
- Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ ban hành Nghị định về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình MTQG giai đoạn 2016-2020;
- Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định số 77/2015/NĐ-CP, 136/2015/NĐ-CP; 161/2016-NĐ-CP;
- Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018-2020;
- Quyết định số 712/QĐ-TTg ngày 26/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án thí điểm hoàn thiện và nhân rộng mô hình bảo vệ môi trường trong xây dựng nông thôn mới tại các xã khó khăn, biên giới, hải đảo theo hướng xã hội hóa giai đoạn 2017-2020;
- Quyết định số 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án hỗ trợ thôn, bản, ấp của các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018-2020;
- Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành tiêu chí huyện nông thôn mới và quy định, thị xã thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới;
- Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;
- Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và

công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020

- Thông tư số 07/2017/TT-BKHĐT ngày 14/12/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định và hướng dẫn một số nội dung tại Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các chương trình MTQG ban hành kèm theo Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thông tư số 35/2016/TT-BNNPTNT ngày 28/12/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện tiêu chí huyện nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

- Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

- Thông tư số 13/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng quy định việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng các công trình xây dựng thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới;

- Thông tư số 08/2019/TT-BTC ngày 30/01/2019 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính;

- Thông tư số 04/2019/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2017/TT-BNNPTNT ngày 01/3/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Thông tư số 346/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định về thanh toán, quyết toán nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2016-2020;

- Thông tư số 01/2017/TT-BKHĐT ngày 14/02/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn quy trình lập kế hoạch đầu tư cấp xã thực hiện các Chương trình MTQG;

## **2. Văn bản cấp tỉnh ban hành về quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới ở địa phương:**

### **2.1 Văn bản giao kế hoạch thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới**

- Quyết định số 931/QĐ-UBND ngày 04/5/2016 của UBND tỉnh phân bổ vốn Trái phiếu Chính phủ năm 2016 thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới;

- Quyết định số 532/QĐ-UBND ngày 21/3/2016 của UBND tỉnh phân bổ vốn kế hoạch năm 2016 thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và NS địa phương);

- Quyết định số 223/QĐ-UBND ngày 09/02/2017 của UBND tỉnh phân bổ vốn nguồn vốn sự nghiệp bổ sung từ ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2017;

- Quyết định số 648/QĐ-UBND ngày 03/4/2017 của UBND tỉnh phân bổ vốn kế hoạch năm 2017 thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và NS địa phương);

- Quyết định số 2174/QĐ-UBND ngày 10/8/2017 của UBND tỉnh phân bổ vốn nguồn vốn bổ sung từ ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2017;

- Quyết định số 2781/QĐ-UBND ngày 16/10/2017 của UBND tỉnh phân bổ kinh phí khen thưởng công trình phúc lợi cho các địa phương có thành tích tiêu biểu trong phong trào xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015 từ nguồn ngân sách Trung ương;

- Quyết định số 484/QĐ-UBND ngày 08/3/2018 của UBND tỉnh phân bổ vốn kế hoạch năm 2018 thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và NS địa phương);

- Quyết định số 649/QĐ-UBND ngày 29/3/2018 của UBND tỉnh phân bổ vốn kế hoạch năm 2018 thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (nguồn vốn: sự nghiệp ngân sách Trung ương);

- Quyết định số 492/QĐ-UBND ngày 07/3/2019 của UBND tỉnh phân bổ vốn kế hoạch năm 2019 thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và NS địa phương);

- Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 26/3/2019 của UBND tỉnh phân bổ vốn kế hoạch năm 2019 thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (nguồn vốn: sự nghiệp ngân sách Trung ương);

- Quyết định số 3770/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh phân bổ vốn kế hoạch năm 2020 thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và NS địa phương);

- Quyết định số 3771/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh phân bổ vốn kế hoạch năm 2020 thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (nguồn vốn: sự nghiệp ngân sách Trung ương);

## **2.2 Văn bản quy định về các chính sách đặc thù của địa phương**

- Nghị quyết số 04/NQ-TU ngày 20/4/2017 của Tỉnh ủy Về đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp gắn với thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017-2020;

- Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của HĐND tỉnh Xây dựng nông thôn mới đến năm 2020;

- Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 23/5/2017 của HĐND tỉnh Về hỗ trợ một số cây trồng con nuôi tạo sản phẩm chủ lực có lợi thế cạnh tranh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2025;

- Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND ngày 23/5/2017 của HĐND tỉnh Về một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển kinh tế tập thể giai đoạn 2017-2020;

- Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND ngày 20/7/2019 của HĐND tỉnh Về khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và nông nghiệp hữu cơ; khuyến khích liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2020-2025;

- Quyết định số 21/2015/QĐ-UBND, ngày 14/9/2015 của UBND tỉnh Ban hành Quy định thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất, vốn vay phát triển sản xuất, kinh doanh thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

- Quyết định số 55/2016/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh Ban hành Quy định thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất, vốn vay phát triển sản xuất, kinh doanh thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

### **2.3 Văn bản quy định về công tác kiện toàn ban chỉ đạo cấp tỉnh**

- Quyết định số 3110/QĐ-UBND ngày 07/12/2016 thành lập Ban chỉ đạo các chương trình MTQG tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016-2020

## PHỤ LỤC 2



## KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ

## CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Theo Báo cáo số 143/BC-SKH-KTN ngày 3/4/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

| Stt | Chương trình                                                                                | ĐVT               | Mục tiêu giai đoạn 5 năm được cấp có thẩm quyền giao (TTCP hoặc HĐND tỉnh) | Thực hiện mục tiêu trong giai đoạn 5 năm |       |       |       |      |                | Đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|----------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|-------|-------|-------|------|----------------|-------------------------------------|
|     |                                                                                             |                   |                                                                            | 2016                                     | 2017  | 2018  | 2019  | 2020 | Tổng giai đoạn |                                     |
| 1   | Kết quả đạt chuẩn nông thôn mới                                                             |                   |                                                                            |                                          |       |       |       |      |                |                                     |
| a   | Xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới                                                             |                   |                                                                            |                                          |       |       |       |      |                |                                     |
|     | - Số xã đạt tiêu chuẩn NTM                                                                  | xã                | 58 -64 xã                                                                  | 31                                       | 42    | 52    | 60    | 67   | 67             | Đạt                                 |
|     | - Tỷ lệ xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới                                                     | %                 | 50-55%                                                                     | 26,5                                     | 35,9  | 44,4  | 51,3  | 57,3 | 57,3           | Đạt                                 |
| b   | Bình quân số tiêu chí xây dựng NTM đạt trên 1 đơn vị xã                                     | số tiêu chí/01 xã |                                                                            | 13,35                                    | 14,15 | 14,88 | 15,53 | 15,6 | 15,6           |                                     |
| c   | Huyện đạt chuẩn NTM                                                                         | huyện             | 01                                                                         |                                          |       |       |       | 1    | 1              | Đạt                                 |
| d   | Xã đạt dưới 5 tiêu chí                                                                      | xã                | 0                                                                          | 0                                        | 0     | 0     | 0     | 0    | 0              | Đạt                                 |
| 2   | Kết quả đạt một số tiêu chí nâng cao                                                        |                   |                                                                            |                                          |       |       |       |      |                |                                     |
|     | - Số xã đạt chuẩn NTM nâng cao (NTM kiểu mẫu)                                               | xã                | 8                                                                          |                                          |       |       | 3     | 8    | 8              | Đạt                                 |
| 3   | Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới theo quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016     | xã                | 58 -64 xã                                                                  | 31                                       | 42    | 52    | 60    | 67   | 67             | Đạt                                 |
| 4   | Kết quả thực hiện tiêu chí huyện nông thôn mới theo quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 | %                 | 1                                                                          |                                          |       |       |       | 1,0  | 1,0            | Đạt                                 |





**TỔNG HỢP KẾT QUẢ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN  
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2016-2020**

((Kèm theo Báo cáo số /BC-SKH-KTN ngày 03/4/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

ĐVT: triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu                        | Giai đoạn 2011-2015 |            | Giai đoạn 2016-2020 |              | Chênh lệch        |              | Ghi chú |
|-----|---------------------------------|---------------------|------------|---------------------|--------------|-------------------|--------------|---------|
|     |                                 | Vốn                 | Tỷ lệ      | Vốn                 | Tỷ lệ        | (+/-)             | %            |         |
|     | <b>TỔNG</b>                     | <b>31.609.254</b>   | <b>100</b> | <b>47.374.707</b>   | <b>100,0</b> | <b>15.765.453</b> | <b>100,0</b> |         |
| 1   | Ngân sách Trung ương            | 69.647              | 0          | 867.000             | 1,8          | 797.353           | 5,1          |         |
|     | - Vốn đầu tư phát triển         | 25.140              |            | 652.400             | 1,4          | 627.260           | 4,0          |         |
|     | - Vốn sự nghiệp kinh tế         | 44.507              |            | 214.600             | 0,5          | 170.093           | 1,1          |         |
| 2   | Vốn Trái phiếu chính phủ        | 133.000             | 0,4        | 70.000              | 0,1          | -63.000           | -0,4         |         |
| 3   | Ngân sách địa phương            | 392.550             | 1,2        | 690.993             | 1,5          | 298.443           | 1,9          |         |
| 4   | Vốn lồng ghép                   | 4.198.767           | 13,3       | 1.646.470           | 3,5          | -2.552.297        | -16,2        |         |
| 5   | Tín dụng                        | 24.694.000          | 78,1       | 42.958.279          | 90,7         | 18.264.279        | 115,9        |         |
| 6   | Doanh nghiệp                    | 776.063             | 2,5        | 470.890             | 1,0          | -305.173          | -1,9         |         |
| 7   | Người dân và cộng đồng đóng góp | 1.345.227           | 4,3        | 671.075             | 1,4          | -674.152          | -4,3         |         |